

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG**  
**Giai đoạn 2020-2025 của tỉnh Đăk Nông thực hiện**  
**Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030**

Trong thời gian qua công tác dân số trên địa bàn tỉnh Đăk Nông đã đạt được kết quả quan trọng, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chất lượng dân số được cải thiện về nhiều mặt, tình trạng suy dinh dưỡng, tử vong của bà mẹ và trẻ em giảm dần, dịch vụ dân số được mở rộng, cơ cấu dân số chuyển dịch tích cực. Tuy nhiên, chính sách giảm sinh chỉ thực hiện tốt ở vùng thành thị và những nơi có điều kiện kinh tế phát triển; đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số điều kiện kinh tế khó khăn, mức sinh vẫn còn cao, nhiều gia đình sinh con thứ 3, thứ 4 trở lên. Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh chung toàn tỉnh còn cao (tính đến hết năm 2019 là 108,4 bé trai/100 bé gái), trong đó ở vùng thành thị là 125 bé trai/100 bé gái, vùng nông thôn (105,8 bé trai/100 bé gái). Bên cạnh đó trình độ dân trí không đồng đều giữa các vùng, người dân sinh sống chủ yếu làm nông lâm nghiệp, năng xuất lao động thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao 10,52%, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ (còn 31,59%), còn 02 huyện có hộ nghèo trên 30% (huyện Tuy Đức, Đăk Glong) cũng đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Do đó, Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 tỉnh Đăk Nông thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 là một nhiệm vụ quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kế hoạch được ban hành nhằm thực hiện tốt công tác dân số, đặc biệt là giảm mức sinh, tiến tới đạt mức sinh thay thế, không chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, tập trung nâng cao chất lượng dân số, chủ động kiểm soát cơ cấu dân số, phân bố dân số hợp lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện cuộc sống người dân, góp phần phát triển tỉnh Đăk Nông nhanh, bền vững.

**Phần I**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC CÔNG TÁC DÂN SỐ**  
**TỈNH ĐẮK NÔNG TRONG THỜI GIAN QUA**

**I. Kết quả thực hiện<sup>1</sup>**

**1. Quy mô dân số và mức sinh**

- Quy mô dân số (số liệu tổng điều tra dân số ngày 01/4/2019) là 622.168 người tăng 132.776 người so với năm 2009, trung bình mỗi năm tăng 13.277 người, tỷ lệ tăng dân số bình quân năm giai đoạn 2009-2019 là 2,4%.

<sup>1</sup>Các số liệu so sánh giữa 2 kỳ tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 01/4/2009 và ngày 01/4/2019.

- Mức sinh giai đoạn 2009-2019 trên địa bàn tỉnh Đăk Nông có giảm nhưng còn hạn chế, từ 2,72 con/phụ nữ năm 2009 xuống còn 2,68 con/phụ nữ năm 2019, mức giảm bình quân 0,004 con/phụ nữ/năm, chưa đạt mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ).

## **2. Cơ cấu dân số**

- Năm 2019, tỷ trọng dân số từ 0 - 14 tuổi 31,6%; 15 - 64 tuổi 64,6%; 65 tuổi trở lên 3,8%; tỷ số phụ thuộc chung 54,9% giảm 3,2% so với năm 2009 (58,1%).

- Tỷ số giới tính khi sinh tỉnh Đăk Nông năm 2019 là 108,4 bé trai/100 bé gái, so với năm 2009 tỷ số này là 102,2 bé trai/100 bé gái, tỷ số giới tính khi sinh sau 10 năm tăng 6,2% trung bình mỗi năm tăng 0,62% và đã vượt qua mức cân bằng tự nhiên. Tuy nhiên tỷ số này vẫn thấp hơn toàn quốc 115,5 bé trai/100 bé gái, vùng Tây nguyên 108,6 bé trai/100 bé gái; và một số tỉnh lân cận như Lâm Đồng 115,8 bé trai/100 bé gái; Đăk Lăk 110 bé trai/100 bé gái.

## **3. Chất lượng dân số**

- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông (và tương đương) năm 2019 là 69%, thấp hơn toàn quốc (72,3%) cao hơn vùng Tây Nguyên (60,7%); tỷ lệ lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ của tỉnh là 14,3%, thấp hơn toàn quốc (23,1%) và vùng Tây Nguyên (16,3%). Tuổi kết hôn trung bình lần đầu là 23,7 tuổi, riêng vùng nông thôn 21,3 tuổi thấp hơn toàn quốc (25,2 tuổi), thực tế cho thấy vùng nông thôn một số nơi nghỉ học sớm và kết hôn sớm; tỷ lệ phụ nữ 20-24 tuổi kết hôn lần đầu trước 18 tuổi tỉnh Đăk Nông 18,3% cao gấp đôi so với toàn quốc (9,1%). Tuổi thọ trung bình đạt 70,0 năm, thấp hơn toàn quốc (73,6 năm) và vùng Tây Nguyên (70,3 năm).

- Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh được triển khai từ năm 2013; giai đoạn 1 chỉ triển khai tại 03 huyện, 01 thành phố (Cư Jút, Đăk Mil, Đăk Song và Gia Nghĩa), đến năm 2018 đã triển khai tại 07 huyện, 01 thành phố trong toàn tỉnh. Phương thức thực hiện là lấy máu gót chân để sàng lọc sơ sinh tại khoa sản Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa huyện (nay là Trung tâm Y tế huyện); sàng lọc trước sinh bằng siêu âm tại 8 Bệnh viện bằng kỹ thuật đo độ mờ da gáy và xét nghiệm máu mẹ. Tất cả các mẫu sàng lọc sẽ được chuyển về Trung tâm Sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh Trường Đại học Y Dược Huế để xét nghiệm. Bước đầu đã phát hiện một số trường hợp bất thường và có hướng xử lý kịp thời.

- Duy trì mô hình Tư vấn và khám sức khỏe trước hôn nhân tại 32 xã, phường, thị trấn thuộc 7 huyện và thành phố, duy trì sinh hoạt hàng tháng và nâng cao hiệu quả hoạt động của 128 câu lạc bộ sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên. Câu lạc bộ cung cấp thông tin giải đáp các thắc mắc liên quan đến các vấn đề về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình cho vị thành

niên/thanh niên (VTN/TN), nam, nữ chuẩn bị kết hôn, đây cũng là nơi cung cấp các tài liệu liên quan đến tuổi dậy thì, đặc điểm tâm sinh lý tuổi vị thành niên, kỹ năng sống,... đồng thời cũng là nơi để các em có thể nói chuyện, tâm sự với các tư vấn viên.

- Tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số trong các năm qua giảm dần; tình trạng hôn nhân cận huyết thống ở một số xã đã được xóa bỏ. Tuy nhiên, tình trạng tảo hôn vẫn còn diễn ra chủ yếu là ở đồng bào Mông sinh sống tại huyện Đăk Glong và huyện Tuy Đức.

#### **4. Phân bố dân số**

Đến nay, tỉnh Đăk Nông có 15,23% dân số sống ở khu vực thành thị tăng 0,53% so với năm 2009 (14,7%). Như vậy, sau 10 năm mức độ đô thị hóa của tỉnh Đăk Nông tăng 0,53%, điều này cho thấy tốc độ đô thị hóa của Đăk Nông rất chậm. Tỷ lệ này thấp hơn rất nhiều với toàn quốc (34,43%) và vùng Tây Nguyên (28,68%).

#### **5. Công tác tuyên truyền, giáo dục dân số**

- Trong thời gian qua, công tác truyền thông - giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ và hành vi của người dân trong việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình (KHHGD) và chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS). Công tác truyền thông đã từng bước chuyển trọng tâm từ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGD) sang Dân số và Phát triển, chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số theo Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; các hoạt động truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số SKSS, KHHGD được đẩy mạnh tập trung vào các đợt như: Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ SKSS, KHHGD đến các vùng khó khăn, vùng có mức sinh cao (01 đợt/năm), truyền thông kỷ niệm các ngày lễ lớn như ngày Dân số thế giới 11/7, Tháng hành động quốc gia về Dân số (tháng 12), ngày Dân số Việt Nam 26/12, bên cạnh đó hình thức truyền thông tư vấn trực tiếp tại hộ gia đình, truyền thông trong chức sắc, tôn giáo, sinh hoạt nhóm, sinh hoạt câu lạc bộ được chú trọng thường xuyên và đem lại hiệu quả cao.

- Câu lạc bộ “Không sinh con thứ 3 trở lên” là một trong những hoạt động truyền thông hiệu quả trong công tác truyền thông ở cơ sở tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh, cung cấp kiến thức về sức khỏe sinh sản, KHHGD. Tính đến năm 2019 trên địa bàn tỉnh có 62 câu lạc bộ không sinh con thứ 3 trở lên với 2.967 thành viên, nội dung sinh hoạt thường xuyên thay đổi.

- Huy động được đông đảo các lực lượng trong xã hội tích cực tham gia truyền thông DS-KHHGD, đưa nội dung truyền thông DS-KHHGD vào hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị để truyền thông DS-KHHGD cho các

thành viên, hội viên và các nhóm đối tượng đặc thù dưới nhiều hình thức phù hợp với thế mạnh của từng ban, ngành, đoàn thể, nhất là những ban, ngành, đoàn thể có tổ chức mạng lưới xuống tận cơ sở như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên tại cơ sở.

- Các cơ quan thông tin đại chúng đã tích cực tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật và các hướng dẫn thực hiện của Đảng và Nhà nước; nêu gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến và phê phán các yếu kém, các vi phạm về DS-KHHGĐ. Các sản phẩm truyền thông DS-KHHGĐ được thiết kế, xây dựng đa dạng về chủng loại, nội dung, hình thức, chất lượng tốt, số lượng nhiều để phục vụ cho truyền thông trực tiếp và cung cấp cho các nhóm đối tượng. Định kỳ hàng năm và đột xuất tổ chức cung cấp thông tin DS-KHHGĐ cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên của các cơ quan thông tin đại chúng.

- Các Trung tâm và điểm Tư vấn của hệ thống DS-KHHGĐ, các cơ sở làm dịch vụ kỹ thuật về SKSS, KHHGĐ đã nghiêm túc thực hiện các nguyên tắc của tư vấn và thời gian tư vấn theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Giáo dục giới tính, DS-KHHGĐ, bình đẳng giới được chú trọng. Trường chính trị, các cơ sở Giáo dục chuyên nghiệp đã bổ sung chương trình, nội dung DS-KHHGĐ để giảng dạy cho các học viên.

- Tổ chức tốt các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ truyền thông của hệ thống DS-KHHGĐ và cán bộ truyền thông của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội.

- Thực hiện tốt công tác quản lý truyền thông từ việc báo cáo tình hình thực hiện; thu thập thông tin; kiểm tra, giám sát; sửa đổi, bổ sung cơ chế quản lý, điều phối hoạt động truyền thông.

## **6. Dịch vụ về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình**

- Trong thời gian qua bằng các nguồn vốn đã đầu tư xây dựng mới, cải tạo và mở rộng cơ sở hạ tầng, nâng cấp trang thiết bị cho trên 30 Trạm Y tế. Đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế cơ sở. Đây mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý y tế tại tuyến y tế cơ sở ở một số lĩnh vực hoạt động như: Quản lý tiêm chủng, quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế; tạo lập và quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân; quản lý quy mô, cơ cấu dân số, đối tượng thực hiện kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ).

- Đến nay toàn tỉnh đã đạt 100% xã có Bác sĩ; các hoạt động chăm sóc trước, trong và sau đẻ được chú trọng; tỷ lệ quản lý thai nghén năm 2019 là 83%; tỷ lệ phụ nữ đẻ khám thai 3 lần trở lên trong ba thời kỳ thai nghén năm 2019 là 80,5%; tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế năm 2019 là 89,8%; tỷ lệ phụ nữ đẻ có cán bộ y tế đỡ năm 2019 là 91,9%.

- Số cơ sở cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản được nâng cấp cơ sở hạ tầng, bổ sung trang thiết bị, dụng cụ y tế đặc biệt Trạm Y tế xã được đầu

tư nhiều hơn so với giai đoạn trước. Đa số các Trạm Y tế đều đặt được dụng cụ tử cung, tiêm tránh thai.

- Cải tiến phương thức cung cấp dịch vụ Dân số/sức khỏe sinh sản (DS/SKSS) theo hướng thân thiện, lấy khách hàng làm trung tâm đối với tất cả các cơ sở cung cấp dịch vụ thông qua hướng dẫn thực hiện và đánh giá cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng, thân thiện với khách hàng. Hỗ trợ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, bản tham gia cung cấp các biện pháp tránh thai phi lâm sàng như bao cao su, viên uống tránh thai và các hàng hóa SKSS phù hợp với yêu cầu và khả năng tiêu dùng của các nhóm phụ nữ ở từng vùng. Với “mô hình tự phục vụ”, cộng tác viên thường đến thăm hộ gia đình để cung cấp phương tiện tránh thai (PTTT), theo dõi quá trình sử dụng và ghi chép, cập nhật thông tin đã tạo niềm tin cho người sử dụng và thuận tiện đối với người tiếp tục sử dụng.

## **7. Hệ thống hậu cần cung cấp phương tiện tránh thai**

- Hệ thống hậu cần để dự trữ, bảo quản, cung cấp PTTT và thuốc, vật tư, hóa chất, sinh phẩm thiết yếu phục vụ các dịch vụ chăm sóc SKSS và KHHGĐ bao gồm: Hệ thống kho từ tỉnh đến cơ sở để bảo quản, cung cấp các PTTT cung cấp miễn phí và bán tiếp thị xã hội; hệ thống kho của các cơ sở làm dịch vụ chăm sóc SKSS và KHHGĐ từ tỉnh đến cơ sở luôn đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân.

- Công tác vận hành kho hậu cần được chú trọng từ khâu tập huấn kiến thức đến vận hành và thường xuyên kiểm tra giám sát nên không có tình trạng làm hỏng hoặc làm giảm chất lượng của PTTT. Hệ thống tin quản lý hậu cần được thiết lập trên mạng điện tử và được quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước nhằm không để thiếu hoặc thừa PTTT.

- Công tác dự báo, lập kế hoạch nhu cầu PTTT và hàng hóa SKSS được nâng lên rõ rệt, đảm bảo sự chủ động cân đối đủ các loại PTTT, hàng hóa SKSS theo nhu cầu của từng đơn vị.

## **8. Cập nhật thông tin số liệu về dân số**

- Hệ thống thông tin quản lý DS-KHHGĐ được tin học hóa và đảm nhận chức năng cập nhật thông tin hộ gia đình vào phần mềm chuyên dụng về dân số để quản lý kịp thời và ngày càng tin cậy do một đội ngũ đông đảo cộng tác viên dân số cùng chung sống trong cụm dân cư. Chất lượng thu thập, lưu giữ, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin, số liệu DS-KHHGĐ ngày càng được nâng cao trên cơ sở mở rộng các hình thức trao đổi, chia sẻ thông tin, số liệu liên quan đến dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản giữa các cơ quan, tổ chức, phục vụ chuyển nhận dữ liệu điện tử được thiết lập từ trung ương đến địa phương.

- Các ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai và mở rộng trong toàn ngành như: Đảm bảo 100% báo cáo thống kê chuyên ngành DS-KHHGĐ thực hiện trên mạng theo phương thức điện tử; hệ thống quản lý hậu cần các PTTT được duy trì vận hành tại cấp tỉnh, cấp huyện.

## **9. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành**

Công tác DS-KHHGĐ luôn được Đảng và Chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh quan tâm, chỉ đạo bằng các Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình hành động, Quyết định, Kế hoạch với những mục tiêu cụ thể, phù hợp điều kiện của địa phương. Công tác phối hợp tuyên truyền, giáo dục, nhận thức về DS-KHHGĐ của các cấp, các ngành và toàn dân đã có bước chuyển biến tích cực, các mô hình: Truyền thông; tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống được duy trì và ngày càng đi vào chiều sâu, dịch vụ DS-KHHGĐ được mở rộng, 100% Trạm Y tế xã đã cung cấp dịch vụ KHHGĐ cơ bản.

## **II. HẠN CHẾ, BẤT CẬP**

### **1. Quy mô dân số và mức sinh**

Tỷ suất nhập cư trong năm 2019 tương đối lớn 32,4%, nhưng tỷ suất xuất cư cũng lớn 28,0% do trong những năm gần đây giá cả nông sản như cà phê, hồ tiêu giảm mạnh nhiều người dân trong tỉnh tạm thời đi làm công nhân ở các tỉnh như Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh nên tỷ số này giao động lớn, ảnh hưởng đến quy mô dân số của tỉnh.

Về mức sinh Đăk Nông là tỉnh có mức sinh cao (số con trung bình của một phụ nữ 2,68 con/phụ nữ), chưa đạt mức sinh thay thế, xếp thứ 57/63 tỉnh, thành phố về mức sinh (tổn quốc 2,09 con/phụ nữ).

### **2. Cơ cấu dân số**

- Kết quả 2 lần tổng điều tra dân số và nhà ở giai đoạn 10 năm (2009-2019), tỷ số phụ thuộc chung của tỉnh đã giảm 3,2%, từ 58,1% năm 2009 xuống 54,9% năm 2019. Tỷ số này giảm là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế gia đình và xã hội, tuy nhiên vẫn còn cao hơn so với toàn quốc (47,1%).

- Tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động từ 15-64 tuổi chiếm 64,6% gấp 1,82 lần dân số trong độ tuổi phụ thuộc, điều này cho thấy Đăk Nông chưa đạt cơ cấu dân số vàng (cơ cấu dân số vàng khi tỷ số này lớn hơn hoặc bằng 2 có nghĩa là trung bình cứ 2 người trong độ tuổi lao động thì chỉ có 1 người trong độ tuổi phụ thuộc).

- Mặc khác, tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên tương ứng là 31,6% và 3,8%, điều đó có thể nói tỉnh Đăk Nông vẫn đang ở giai đoạn dân số trẻ và đây cũng là một thách thức không nhỏ đối với sự nghiệp y tế, giáo dục của tỉnh trong thời gian tới.

- Tỷ số giới tính khi sinh năm 2019 là 108,4 bé trai/100 bé gái. Trong đó khu vực thành thị là 125,0 bé trai/100 bé gái; khu vực nông thôn là 105,8 bé trai/100 bé gái. Như vậy tỉnh Đăk Nông đã mất cân bằng giới tính khi sinh. Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh chỉ xảy ra ở khu vực thành thị với tỷ lệ rất cao, khu vực nông thôn vẫn ở trong giới hạn bình thường (dưới 107 bé trai/100 bé gái).

### **3. Chất lượng dân số**

- Tình trạng tảo hôn chung toàn tỉnh là 18,3% (toute quốc 9,1%), hôn nhân cận huyết thống vẫn còn xảy ra, đặc biệt là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi 24,3% cao hơn so với toàn quốc (14,0%). Tỷ lệ phụ nữ sinh con được cán bộ y tế đỡ đẻ 91,6%; trong đó vùng thành thị 98,8% vùng nông thôn 90,6%. Như vậy còn 8,4% phụ nữ vùng nông thôn đẻ tại nhà không được cán bộ y tế đỡ đẻ. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi còn cao.

- Tuổi thọ trung bình đạt 70,0 tuổi, thấp hơn so với toàn quốc (73,6 tuổi).

- Tỷ lệ mang thai ở tuổi vị thành niên vẫn còn xảy ra 5,2% (năm 2019).

- Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh được triển khai hàng năm nhằm phát hiện sớm bệnh, tật bẩm sinh, nhưng số lượng được nhà nước hỗ trợ còn hạn chế, đa số người dân chưa chấp nhận tự chi trả cho hoạt động này.

### **4. Công tác tuyên truyền, giáo dục dân số**

- Công tác truyền thông, giáo dục về dân số ở vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn do giao thông kém phát triển nên việc đi lại để tuyên truyền, tư vấn trực tiếp tại hộ gia đình còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

- Việc cung cấp tài liệu truyền thông, phương tiện tránh thai cho các đối tượng tại khu vực này chưa được đáp ứng kịp thời.

## **III. NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

### **1. Nguyên nhân hạn chế, bất cập**

#### a) Về mức sinh

Mức sinh còn cao, tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn 2,73 con/phụ nữ, vùng thành thị 2,32 con/phụ nữ, do địa bàn rộng dân cư sống rải rác không tập trung nên công tác tuyên truyền, tư vấn trực tiếp đến người dân vùng sâu, vùng xa gặp rất nhiều khó khăn, nhận thức của người đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế, phong tục tập quán sinh đông con tuy có giảm nhiều so với trước đây nhưng vẫn còn một bộ phận không nhỏ sinh con thứ ba, thứ tư.

#### b) Về cơ cấu dân số

- Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh năm 2019 là 108,4 bé trai/100 bé gái. Trong đó: khu vực thành thị là 125,0 bé trai/100 bé gái; khu vực nông thôn là 105,8 bé trai/100 bé gái; điều này cho thấy mất cân bằng giới tính khi sinh chỉ xảy ra ở khu vực thành thị, do có sự can thiệp của con người trước lúc mang thai hoặc trong lúc mang thai làm cho thay đổi tỷ số này.

- Vấn đề mong muốn sinh con trai để nối dõi tông đường, thờ cúng ông, bà hay cha, mẹ già chỉ ở với con trai nên nhu cầu có con trai vẫn còn tâm lý rất nặng nề đối với nhiều người. Việc tuyên truyền nhằm giảm mất cân bằng giới

tính khi sinh còn chưa đủ mạnh, chưa thường xuyên liên tục nên chưa thay đổi được nhận thức của người dân. Kinh phí đầu tư cho hoạt động này còn hạn chế.

### c) Về chất lượng dân số

- Việc tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân vùng sâu, vùng xa về tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống hoặc không sinh con tại nhà còn rất hạn chế do điều kiện sản xuất, sinh hoạt đặc thù của bà con vùng đồng bào dân tộc thiểu số nên việc tập trung đồng đú để tổ chức tuyên truyền rất khó khăn. Một bộ phận người dân, đặc biệt là độ tuổi VTN/TN còn chưa chú trọng, quan tâm, chưa hiểu sâu sắc về tác hại của tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống.

- Vấn đề truyền thông nâng cao hiểu biết của VTN/TN về SKSS-KHHGD nhằm giảm tình trạng có thai ngoài ý muốn đối với VTN/TN còn hạn chế nên nhiều em chưa tiếp cận được nhiều thông tin cũng như hiểu biết về vấn đề này.

- Triển khai Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh bước đầu có hiệu quả nhưng các mẫu xét nghiệm máu khô phải chuyển đến Bệnh viện Trung ương Huế do đó mất nhiều thời gian trong quá trình triển khai.

## 2. Một số bài học kinh nghiệm

- Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng là yếu tố quyết định thành công của công tác dân số, nhất là chính sách KHHGD, thay đổi một vấn đề đã ăn sâu vào tiềm thức của từng người dân, gia đình, dòng họ. Nơi nào được sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền thì nơi đó công tác dân số thực hiện thành công.

- Chủ trương chính sách phải đi vào thực tiễn cuộc sống của nhân dân mới mang đến hiệu quả thiết thực, đặc biệt mỗi địa phương phải có được một mạng lưới cung cấp dịch vụ DS-KHHGD kịp thời, an toàn, thuận tiện, đáp ứng yêu cầu đa dạng ngày càng cao của người dân.

- Tổ chức bộ máy làm công tác dân số phải thống nhất, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự chỉ đạo xuyên suốt về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn. Cán bộ làm công tác dân số vừa phải có chuyên môn nghiệp vụ, vừa phải có kỹ năng dân vận và phải được tập huấn, cập nhật kiến thức thường xuyên về dân số.

## Phần II KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2020-2025

### I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 23/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025.

- Công văn số 7424/BYT-TCDS ngày 18/12/2019 của Bộ Y tế về việc triển khai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

- Quyết định số 1472/QĐ-BYT ngày 20/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Đề án Kiểm soát mức cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025; Chỉ thị số 04/CT-BYT ngày 15/3/2016 của Bộ Y tế về việc tăng cường giải quyết tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Quyết định số 7618/QĐ-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi giai đoạn 2017-2025.

- Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 08/5/2018 của Tỉnh ủy Đăk Nông về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Chương trình 29).

- Kế hoạch số 448/KH-UBND ngày 28/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông về thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 08/5/2018 của Tỉnh ủy Đăk Nông về công tác dân số trong tình hình mới.

## **II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đạt và duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên. Phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất và tinh thần đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025**

#### **a) Mục tiêu 1: Tiếp tục đẩy mạnh giảm sinh, tập trung vùng mức sinh còn cao**

- Tổng tỷ suất sinh (số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ) 2,3 con vào năm 2025 và đạt 2,1 con vào năm 2030.

- Quy mô dân số đạt trên 720.000 người.

- Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị.

- Mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Giảm 50% số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

#### **b) Mục tiêu 2: Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số có dưới 10 nghìn người, có nguy cơ suy giảm giống nòi** (gồm các dân tộc: Chứ 10 người, Mảng 5 người; Pà Thẻn 3 người; Cơ Lao 23 người; Si La 1 người sống tại các huyện: Đăk Glong, Đăk R'Lấp, Krông Nô, Tuy Đức).

- Duy trì tỷ lệ tăng dân số của các dân tộc thiểu số dưới 10 nghìn người cao hơn mức bình quân chung cả tỉnh.

- Cơ bản ngăn chặn tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số.

- Bảo đảm tốc độ tăng các chỉ tiêu phản ánh chất lượng dân số của các dân tộc thiểu số dưới 10 nghìn người cao hơn mức tăng bình quân chung cả tỉnh.

**c) Mục tiêu 3: Không chê tộc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, phấn đấu đưa cơ cấu tuổi ở mức tương đối hợp lý**

- Tỷ số giới tính khi sinh dưới 108 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

- Tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động 15 - 64 tuổi đạt 65,6%.

**d) Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng dân số**

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 70%.

- Giảm 30% số cặp tảo hôn, giảm 50% số cặp hôn nhân cận huyết thống;

- 50% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh, tật bẩm sinh phổ biến cho thai nhi.

- 70% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 73 tuổi; số năm sống khỏe đạt tối thiểu 64,6 năm.

- Chiều cao từ đủ 18 tuổi đối với nam đạt 165,4 cm, nữ đạt 155,4 cm.

- Trên 90% nam, nữ thanh niên hiểu biết cơ bản về một số vấn đề tác hại của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, khám sức khỏe tiền hôn nhân, các biện pháp tránh thai,...và một số vấn đề khác liên quan đến DS-KHHGD.

**d) Mục tiêu 5: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và đảm bảo quốc phòng an ninh**

- Thúc đẩy đô thị hóa, đưa tỷ lệ dân đô thị đạt trên 20%.

- Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn, đảm bảo điều kiện về đất đai để canh tác.

- Bảo đảm người di cư theo kế hoạch của nhà nước được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

**e) Mục tiêu 6: Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội**

- 95% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu về dân cư thống nhất, dùng chung trên quy mô toàn quốc.

- 100% các Sở, ngành sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **e) Mục tiêu 7: Phát huy lợi thế cơ cấu dân số trẻ, tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh**

- Tiếp tục thực hiện tốt chiến lược về đào tạo, lao động, việc làm, xuất khẩu lao động, thu hút nguồn vốn đầu tư vào tỉnh, tăng số lượng việc làm, nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm.

- Tiếp tục thực hiện tốt các Chương trình, dự án, đề án chăm sóc sức khỏe với mục tiêu đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

### **g) Mục tiêu 8: Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

Tỷ lệ người cao tuổi (người 60 tuổi trở lên) có thẻ bảo hiểm y tế đạt 100%, được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung (nếu có) và được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp**

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 08/5/2018 của Tỉnh ủy Đăk Nông về việc thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Chương trình 29), bảo đảm thống nhất nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của toàn xã hội về tiếp tục duy trì xu thế giảm sinh tiến tới đạt mức sinh thay thế, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số. Dưa công tác dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền.

- Ban hành các kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm để cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch hành động cho phù hợp với từng thời kỳ, giai đoạn, tình hình thực tiễn của ngành, địa phương. Thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do ngành, địa phương chủ trì xây dựng và thực hiện.

- Quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai; đầu tư kinh phí, kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ đủ năng lực để thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số của ngành, địa phương đã đề ra.

- Trực tiếp chỉ đạo công tác phối hợp liên ngành; phân công nhiệm vụ, thực hiện cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện công tác dân số trên địa bàn. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia, giám sát thực hiện công tác dân số.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số của các địa phương. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Đề cao tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

## **2. Đổi mới công tác truyền thông, vận động về dân số**

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 08/5/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới, tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ, nội dung công tác dân số trong tình hình mới.

- Triển khai đầy đủ, toàn diện các nội dung: Tiếp tục giảm sinh, duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số là yêu cầu của công tác truyền thông, vận động về dân số và phát triển trong tình hình mới.

- Tập trung đẩy mạnh, tăng cường và nâng cao hiệu quả các hoạt động tuyên truyền giáo dục về dân số và phát triển. Nội dung, phương thức truyền thông, vận động phải được xây dựng phù hợp với tình hình dân số, điều kiện kinh tế, xã hội, đặc trưng văn hóa của từng vùng, đối tượng.

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, bảo đảm quyền, trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tập trung vận động người dân thực hiện chính sách sinh ít con, trong đó tập trung ở vùng, từng đối tượng có mức sinh cao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực người Việt Nam.

- Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân, gia đình và toàn xã hội trong việc phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi, thực hiện chăm sóc người cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi, thích ứng già hóa dân số.

- Thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình công tác dân số cho lãnh đạo chính quyền. Vận động, phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, người uy tín trong cộng đồng tham gia tuyên truyền, giáo dục người dân thực hiện chính sách dân số.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ngành các cấp, nhất là đội ngũ công tác viên dân số ở thôn, bản, tổ dân phố. Lồng ghép nội dung công tác dân số vào sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hóa, hương ước, quy ước và thiết chế văn hóa của cộng đồng; tiêu chuẩn thôn, bản, tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở. Tăng số tin, bài, thời lượng; đa dạng hóa các hình thức thể hiện các nội dung về công tác dân số. Chủ trọng lồng ghép các thông điệp về dân số trong các tác phẩm, sản phẩm văn hóa, văn nghệ, giải trí. Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội,... trong truyền thông giáo dục về dân số.

- Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi và bao đảm yêu cầu hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

### **3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số**

- Nghiên cứu, đề xuất hỗ trợ đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, biên giới trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ KHHGĐ; chính sách khuyến khích, thu hút, tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài ở các khu vực khó khăn, vùng biên giới; chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ công tác viên dân số ở thôn, làng, tổ dân phố; bổ sung nội dung, định mức chi công tác dân số trong phân bổ dự toán chi thường xuyên và vốn đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước.

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về cấm lựa chọn, chẩn đoán giới tính thai nhi, lựa chọn giới tính trước khi sinh theo hướng tăng nồng độ xử phạt. Nghiêm cấm việc quảng bá, lưu hành các sản phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, lựa chọn giới tính trước khi sinh. Có chế tài đủ mạnh để xử lý hành vi lạm dụng khoa học - công nghệ trong chẩn đoán giới tính thai nhi, can thiệp lựa chọn giới tính trước khi sinh đối với cá nhân, tổ chức vi phạm.

- Đẩy mạnh việc đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn, làng, tổ dân phố phù hợp với các quy định của pháp luật; lồng ghép với công tác gia đình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch và thiết chế văn hóa cơ sở.

- Khuyến khích, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số. Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm.

#### **4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số**

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGD theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ KHHGD, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ KHHGD cơ bản. Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả việc phân phối các dịch vụ phi lâm sàng qua mạng lưới cộng tác viên dân số thôn, buôn, tổ dân phố.

- Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ KHHGD theo hướng mở rộng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng nhóm đối tượng. Tiếp tục huy động các thành phần kinh tế tham gia tiếp thị xã hội, xã hội hóa cung cấp phương tiện và dịch vụ tránh thai.

- Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên. Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc cung cấp các dịch vụ phá thai, loại trừ phá thai không an toàn.

- Mở rộng mạng lưới, phổ cập chương trình cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, can thiệp, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh cho mọi phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh.

- Tiếp tục đẩy mạnh, thực hiện có hiệu quả các chương trình thể dục thể thao rèn luyện, nâng cao sức khỏe, các chương trình dinh dưỡng, sữa học đường nhằm nâng cao thể lực, tầm vóc người dân trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

- Phát triển mạng lưới chăm sóc người cao tuổi đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về số lượng và chất lượng theo các cấp độ khác nhau. Phát triển rộng khắp các loại hình câu lạc bộ rèn luyện sức khỏe, văn hóa, giải trí của người cao tuổi ở cộng đồng theo hướng xã hội hóa, có sự hỗ trợ, tạo điều kiện của nhà nước. Mở rộng việc cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng thông qua mạng lưới tình nguyện viên, cộng tác viên và nhân viên chăm sóc được đào tạo.

- Củng cố mạng lưới chuyên ngành lão khoa theo nguyên tắc gắn kết dự phòng, nâng cao sức khỏe, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc giảm nhẹ.

- Từng bước quản lý, điều tiết và phát triển thị trường dịch vụ dân số; thiết lập cơ chế bảo vệ quyền lợi khách hàng, cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng dịch vụ của cơ sở cung cấp dịch vụ dân số công lập và ngoài công lập.

#### **5. Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số**

- Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý xã hội.

- Tổ chức mạng lưới thu thập thông tin, số liệu dân số theo hướng hiện đại, có sự phân công cụ thể các ngành, các cấp trong lĩnh vực này. Thực hiện đăng ký dân số và cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia thống nhất dùng chung, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và quản lý xã hội. Kiện toàn mạng lưới thu thập, cập nhật thông tin số liệu chuyên ngành dân số gắn với đội ngũ cán bộ, cộng tác viên dân số các cấp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý, phân tích, lưu trữ thông tin số liệu về dân số bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ và kết nối các dữ liệu chuyên ngành.

- Quy định cụ thể cơ chế cung cấp thông tin, số liệu về tình hình và dự báo dân số cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp. Xây dựng báo cáo tổng quan hàng năm về dân số phản ánh hiện trạng, phân tích động thái, phát hiện những vấn đề dân số mới nảy sinh.

## **6. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số**

- Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số, tập trung vào việc thực hiện các mục tiêu: Giảm mức sinh, phấn đấu đạt và duy trì tỉ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

- Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước, gồm cả ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; đẩy mạnh việc đa dạng hóa các nguồn đầu tư từ cộng đồng, doanh nghiệp, tư nhân cho công tác dân số. Ngân sách nhà nước bảo đảm đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho triển khai toàn diện công tác dân số và thực hiện chính sách đối với các đối tượng được nhà nước chi trả.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho công tác dân số. Có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

- Phát triển thị trường bảo hiểm, bao gồm bảo hiểm nhà nước, bảo hiểm thương mại theo hướng đa dạng hóa các gói bảo hiểm, với nhiều mệnh giá tương ứng các gói dịch vụ khác nhau bảo đảm các nhóm dân số đặc thù được bình đẳng trong việc tham gia và thụ hưởng các dịch vụ phúc lợi, an sinh xã hội.

## **7. Kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo**

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất.

- Rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy chuyên trách làm công tác dân số từ tỉnh đến địa phương, đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới.

- Tiếp tục duy trì đội ngũ cộng tác viên dân số là những người được nhân dân tín nhiệm, làm việc trên tinh thần tình nguyện vì cộng đồng ở thôn, làng, tổ dân phố. Xây dựng, ban hành chính sách đai ngộ phù hợp về vật chất, tinh thần cho đội ngũ này.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức phối hợp liên ngành về dân số và phát triển tại địa phương nhằm chỉ đạo, điều phối các hoạt động của các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển, theo nguyên tắc làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số.

- Thực hiện chuẩn hóa cán bộ theo nguyên tắc vị trí việc làm và định hướng triển khai toàn diện công tác dân số. Đổi mới nội dung, nhanh chóng phổ cập kiến thức, kỹ năng về dân số và phát triển cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp để có đủ năng lực để xuất chính sách, quản lý, điều phối và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác dân số.

- Cập nhập kiến thức mới, tập huấn lại, bảo đảm đội ngũ cộng tác viên dân số thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện sinh 2 con, không lựa chọn giới tính thai nhi, không tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, phát huy vai trò và chăm sóc người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số; thu thập thông tin và tham gia cung cấp một số dịch vụ dân số tới tận hộ gia đình.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân số các cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội về dân số và phát triển, đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung này vào các hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng hiện đại, đơn giản hóa và hiệu quả. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực dân số, tạo thuận lợi cho người dân.

#### **IV. KINH PHÍ**

1. Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025 và đến 2030: Trên cơ sở quy định của Trung ương và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp ngân sách cho các giai đoạn tiếp theo, giao Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền đảm bảo theo quy định.

2. Đối với các nhiệm vụ của ngành y tế thực hiện Kế hoạch này, kinh phí được cân đối trong chi sự nghiệp của Sở Y tế hàng năm; theo phân cấp quản lý, Sở Y tế phân bổ cho các đơn vị trực thuộc để thực hiện theo quy định.

3. Đối với năm 2020, ngành y tế sẽ chủ động sử dụng kinh phí đã được bố trí trong dự toán đầu năm để triển khai thực hiện.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện đạt kết quả Kế hoạch hành động này, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các chương trình, kế hoạch liên quan do các Sở, ngành chủ trì thực hiện.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo Quyết định số 1125/QĐ-CP ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án Kiểm soát mắt cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016-2025; Kế hoạch chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đăk Nông; Đề án Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cho VTN/TN giai đoạn 2016-2020.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức sơ kết và tổng kết kết quả thực hiện.

### 2. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân số; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số; phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn việc đưa nội dung dân số vào hương ước, quy ước của thôn, làng, tổ dân phố.

### 3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Thực hiện đào tạo nghề và giải quyết việc làm nhằm sử dụng tối đa lực lượng lao động, phát huy lợi thế của giai đoạn dân số trẻ; thực hiện các nội dung giáo dục về dân số và phát triển trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào các chương trình có liên quan do đơn vị chủ trì; phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi và vị thế của phụ nữ và trẻ em gái, cải thiện phúc lợi và chất lượng cuộc sống của người cao tuổi.

### 4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường thời lượng phát sóng, nâng cao chất lượng thông tin, tuyên truyền, giáo dục về dân số và phát triển trong các chương trình, chuyên mục, chuyên trang.

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra liên ngành các cơ sở xuất bản và phát hành sách, ấn phẩm, tài liệu nhằm ngăn chặn việc tuyên truyền, phổ biến phương pháp lựa chọn giới tính thai nhi.

## **5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Chủ trì, phối hợp các Sở, Ban, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình nâng cao tầm vóc và thể lực; phát triển gia đình bền vững, phòng chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung dân số vào các hoạt động của Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; các hoạt động tuyên truyền văn hóa, các buổi sinh hoạt của Câu lạc bộ Gia đình hạnh phúc nhằm hướng tới mục tiêu mỗi gia đình có 2 con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát triển bền vững.

## **6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Triển khai các chương trình, đề án, dự án về xây dựng nông thôn mới, di dân tái định cư trên địa bàn tỉnh.

## **7. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân lực làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở theo hướng dẫn, quy định của Trung ương; vận động các chức sắc, người có uy tín trong các tôn giáo tham gia tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng và Nhà nước về chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; hướng dẫn khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện tốt chính sách dân số trên địa bàn tỉnh nhân dịp tổ chức sơ kết, tổng kết.

## **8. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Phối hợp với Sở Y tế triển khai có hiệu quả hoạt động giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới và giới tính cho học sinh tại các trường phổ thông.

## **9. Ban Dân tộc tỉnh**

Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 02/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025”; Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015 và các văn bản khác có liên quan về việc thực hiện các chính sách trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

## **10. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan đưa các mục tiêu về Dân số và Phát triển vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh. Phối hợp với Sở Tài chính cân đối nguồn ngân sách, đảm bảo chi cho các nội dung hoạt động của chương trình Dân số - Y tế.

## **11. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và theo phân cấp ngân sách hiện hành; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí.

## **12. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

Hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách về dân số đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng; tham gia các hoạt động dân số gắn với công tác bảo vệ an ninh biên giới ở các xã biên giới trên địa bàn tỉnh.

## **13. Cục Thống kê tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo việc thu thập, chia sẻ đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu về dân số cho các cơ quan có liên quan phục vụ cho việc quản lý chương trình dân số và xây dựng các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **14. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Đăk Nông**

Tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết phù hợp về công tác dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng; nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số và phát triển trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

## **15. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chủ động, tích cực huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân số trên địa bàn huyện, thành phố. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện công tác dân số của địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác dân số trên địa bàn theo quy định.

## **16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh**

Phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương, ngành y tế và các tổ chức thành viên, các tuyên truyền viên cơ sở, đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 tỉnh Đăk Nông thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch hành động giai đoạn 2020-2025 tỉnh Đăk Nông thực hiện Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030. Các Sở, Ban, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, xây dựng kế hoạch tổ chức triển

khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này; đồng thời tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 448/KH-UBND ngày 28/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/TU của Tỉnh ủy Đăk Nông; chỉ đạo lồng ghép các yếu tố dân số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương; lãnh đạo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số. Định kỳ hàng năm (trước 20/12), các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế theo quy định./.

*Nơi nhận:*

- Bộ Y tế (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

1

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tôn Thị Ngọc Hạnh**